

# KIỂM SOÁT HÀNH VI LẠM DỤNG VỊ TRÍ THỐNG LĨNH THỊ TRƯỜNG CỦA CÁC NỀN TẢNG SỐ: THÁCH THỨC ĐỐI VỚI LUẬT CẠNH TRANH

Hoàng Xuân Lâm<sup>1,\*</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu phân tích những thách thức trong kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường của các nền tảng số theo Luật Cạnh tranh Việt Nam. Trong bối cảnh kinh tế số phát triển nhanh, nhiều nền tảng đã đạt vị thế thống lĩnh trên các thị trường như thương mại điện tử, thanh toán số và vận tải công nghệ. Bằng phương pháp phân tích định tính và nghiên cứu điển hình, bài viết làm rõ các hành vi lạm dụng phổ biến gồm tự ưu tiên dịch vụ, gắn kết sản phẩm, khai thác dữ liệu không công bằng và áp đặt điều khoản bất lợi đối với đối tác kinh doanh. Kết quả cho thấy khung pháp lý hiện hành còn hạn chế trong việc xác định thị trường liên quan, đánh giá vị trí thống lĩnh và chứng minh hành vi lạm dụng trong bối cảnh thị trường nền tảng đa chiều. Từ đó, nghiên cứu đề xuất hoàn thiện quy định cạnh tranh đối với nền tảng số, tăng cường năng lực thực thi và áp dụng cơ chế giám sát phù hợp nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế số.

**Từ khóa:** Lạm dụng vị trí thống lĩnh, luật cạnh tranh, nền tảng số, thị trường số, chính sách cạnh tranh.

Ngày nhận bài: 05/03/2026; Ngày phản biện: 15/03/2026; Ngày duyệt đăng: 20/03/2026

## ABSTRACT

This study examines the challenges in controlling the abuse of dominant market positions by digital platforms under Vietnam's current competition law framework. With the rapid growth of the digital economy, several technology platforms have gained dominant positions in markets such as e-commerce, digital payments, and ride-hailing services. Using qualitative analysis and case study approaches, the study identifies common forms of abusive conduct, including self-preferencing, tying practices, unfair use of business users' data, and the imposition of unfavorable contractual terms. The findings indicate that the existing legal framework still faces significant limitations in defining relevant markets, assessing market dominance, and proving abusive behavior in multi-sided platform markets. Based on international experience, the study suggests improving competition regulations applicable to digital platforms, strengthening enforcement capacity, and introducing appropriate monitoring mechanisms for platforms with systemic market influence. These measures are essential to ensure fair competition and promote sustainable development of the digital economy in Vietnam.

**Keywords:** abuse of dominance, competition law, digital platforms, digital markets, competition policy.

\*Email: Hoanglam@utm.edu.vn

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, kinh tế số đã trở thành một động lực tăng trưởng quan trọng của nhiều quốc gia. Sự phát triển của công nghệ số, dữ liệu và kết nối trực tuyến đã thúc đẩy sự hình thành và mở rộng của các nền tảng số, đóng vai trò trung gian trong việc kết nối các nhóm người dùng và hình thành các hệ sinh thái kinh doanh mới. Các nền tảng này không chỉ tạo ra phương thức tổ chức thị trường mới mà còn làm thay đổi cấu trúc cạnh tranh trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế (OECD, 2021). Tại Việt Nam, các nền tảng như Shopee, Lazada, Grab, Be, MoMo và ZaloPay đã nhanh chóng mở rộng quy mô hoạt động trong các lĩnh vực thương mại điện tử, vận tải công nghệ và thanh toán điện tử, góp phần thúc

đẩy sự phát triển của nền kinh tế số (Google, Temasek and Bain & Company, 2023).

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng số cũng đặt ra nhiều thách thức đối với môi trường cạnh tranh. Nhờ đặc tính hiệu ứng mạng lưới, khả năng tích lũy dữ liệu ở quy mô lớn và chi phí chuyển đổi cao của người dùng, các nền tảng số có thể nhanh chóng mở rộng quy mô và củng cố vị thế thị trường. Khi đạt được vị trí thống lĩnh, một số nền tảng có thể thực hiện các hành vi có khả năng hạn chế cạnh tranh như tự ưu tiên sản phẩm hoặc dịch vụ của chính mình trên nền tảng, áp đặt điều khoản giao dịch bất lợi đối với các đối tác kinh doanh, hoặc khai thác dữ liệu thu thập từ người dùng và đối tác để cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp phụ

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị

thuộc nền tảng (OECD, 2021; European Commission, 2017; European Commission, 2018).

Tại Việt Nam, Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 đã thiết lập khuôn khổ pháp lý nhằm kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường. Tuy nhiên, các quy định này chủ yếu được xây dựng trên cơ sở giả định của thị trường truyền thống, nơi cạnh tranh chủ yếu diễn ra thông qua giá cả và sản lượng. Trong khi đó, các nền tảng số thường hoạt động trong cấu trúc thị trường đa chiều, nơi nhiều nhóm người dùng tương tác thông qua cùng một nền tảng và giá cả không phải lúc nào cũng là yếu tố cạnh tranh trung tâm. Ngoài ra, dữ liệu ngày càng trở thành một nguồn lực cạnh tranh quan trọng trong nền kinh tế số, làm cho việc xác định thị trường liên quan, đánh giá vị trí thống lĩnh và chứng minh hành vi lạm dụng trở nên phức tạp hơn so với các thị trường truyền thống (OECD, 2021; European Parliament and Council, 2022).

Trước những thách thức này, nhiều quốc gia và khu vực đã bắt đầu điều chỉnh khung pháp lý cạnh tranh nhằm thích ứng với sự phát triển của nền tảng số. Liên minh châu Âu đã ban hành Đạo luật Thị trường Số năm 2022 nhằm thiết lập các nghĩa vụ đặc thù đối với các nền tảng có vai trò “người gác cổng” trong hệ sinh thái số (European Parliament and Council, 2022). Đức cũng đã sửa đổi Luật Chống hạn chế cạnh tranh năm 2021 nhằm tăng cường khả năng giám sát các nền tảng có tầm quan trọng chiến lược đối với cạnh tranh (Federal Ministry for Economic Affairs and Energy, 2021).

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các thách thức pháp lý trong kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh của các nền tảng số tại Việt Nam có ý nghĩa quan trọng cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu này tập trung phân tích những đặc thù của nền tảng số tạo ra thách thức cho việc áp dụng Luật Cạnh tranh hiện hành, nhận diện các dạng hành vi lạm dụng phổ biến, đồng thời tham chiếu kinh nghiệm quốc tế để đề xuất các định hướng hoàn thiện pháp luật và chính sách cạnh tranh phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế số tại Việt Nam.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận định tính nhằm phân tích các thách thức pháp lý trong kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh của các nền tảng số. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập chủ yếu từ các nguồn thứ cấp, bao gồm hệ thống văn bản pháp luật cạnh tranh của Việt Nam, đặc biệt là Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14, cùng với các quy định và chính sách cạnh tranh liên

quan đến nền tảng số của một số quốc gia và khu vực như Liên minh châu Âu và Đức. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tham khảo các báo cáo và tài liệu học thuật của các tổ chức quốc tế về cạnh tranh trong nền kinh tế số (OECD, 2021; European Parliament and Council, 2022; Australian Competition and Consumer Commission, 2019).

Trên cơ sở các nguồn dữ liệu này, nghiên cứu tiến hành phân tích và tổng hợp tài liệu kết hợp với phương pháp so sánh pháp lý nhằm đánh giá mức độ phù hợp của khung pháp luật cạnh tranh hiện hành của Việt Nam. Đồng thời, một số trường hợp điển hình liên quan đến hoạt động của các nền tảng số được xem xét nhằm minh họa các dạng hành vi có khả năng lạm dụng vị trí thống lĩnh và làm rõ các vấn đề thực tiễn đặt ra đối với việc thực thi pháp luật cạnh tranh trong môi trường số.

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào các nền tảng số lớn hoạt động tại Việt Nam trong các lĩnh vực thương mại điện tử, vận tải công nghệ và thanh toán số, trong giai đoạn từ năm 2018 đến nay.

### 3. Cơ sở lý thuyết

#### 3.1. Nền tảng số và vị trí thống lĩnh thị trường

Nền tảng số được hiểu là mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số, trong đó giá trị được tạo ra chủ yếu thông qua việc kết nối và tạo điều kiện tương tác giữa hai hoặc nhiều nhóm người dùng khác nhau. Theo OECD, nền tảng số là các dịch vụ trung gian dựa trên công nghệ số cho phép các bên tương tác, giao dịch hoặc tạo nội dung trong một môi trường trực tuyến (OECD, 2021). Đặc điểm quan trọng của mô hình này là tính đa chiều, khi nền tảng đồng thời phục vụ nhiều nhóm người dùng có nhu cầu bổ sung cho nhau, chẳng hạn như người mua và người bán trong thương mại điện tử hoặc hành khách và tài xế trong dịch vụ gọi xe.

Trong pháp luật cạnh tranh Việt Nam, vị trí thống lĩnh thị trường được xác định dựa trên khả năng của doanh nghiệp trong việc tác động đáng kể đến các điều kiện cạnh tranh trên thị trường. Theo Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14, một doanh nghiệp được coi là có vị trí thống lĩnh khi có thị phần từ 30% trở lên hoặc khi một nhóm doanh nghiệp đạt các ngưỡng thị phần kết hợp theo quy định của pháp luật. Vị trí này phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc đơn phương quyết định mức giá, sản lượng hoặc các điều kiện giao dịch mà không chịu áp lực cạnh tranh đáng kể từ các đối thủ hoặc khách hàng.

Tuy nhiên, việc áp dụng các tiêu chí truyền thống để xác định vị trí thống lĩnh trở nên phức tạp hơn trong bối

cảnh nền tảng số. Trong nhiều trường hợp, quyền lực thị trường của nền tảng không chỉ thể hiện qua thị phần mà còn thông qua quyền kiểm soát dữ liệu, khả năng thiết lập tiêu chuẩn công nghệ và vai trò trung gian thiết yếu đối với các chủ thể tham gia thị trường (OECD, 2021; European Parliament and Council, 2022).

**3.2. Đặc thù của nền tảng số trong đánh giá cạnh tranh**

Các nền tảng số có một số đặc điểm kinh tế quan trọng làm thay đổi cách thức đánh giá cạnh tranh trên thị trường. Trước hết, hiệu ứng mạng lưới đóng vai trò trung tâm trong sự phát triển của nền tảng. Giá trị của nền tảng thường tăng lên khi số lượng người dùng gia tăng, tạo ra cả hiệu ứng mạng trực tiếp giữa những người dùng cùng nhóm và hiệu ứng mạng gián tiếp giữa các nhóm người dùng khác nhau. Cơ chế này có thể dẫn đến mức độ tập trung thị trường cao và xu hướng “người thắng chiếm phần lớn thị trường”.

Bên cạnh đó, dữ liệu trở thành một nguồn lực cạnh tranh quan trọng trong nền kinh tế số. Khả năng thu thập và phân tích khối lượng lớn dữ liệu người dùng giúp nền tảng cải thiện chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa thuật toán và cá nhân hóa trải nghiệm. Quá trình này tạo ra vòng phản hồi tích cực giữa dữ liệu và người dùng, qua đó hình thành những rào cản gia nhập đáng kể đối với các đối thủ mới.

Một đặc điểm khác của nền tảng số là chi phí chuyển đổi của người dùng thường khá cao, do liên quan đến việc mất dữ liệu lịch sử, mạng lưới kết nối hoặc phải thích nghi với công nghệ mới. Kết hợp với thiết kế sản phẩm và các chính sách của nền tảng, điều này có thể tạo ra hiệu ứng “khóa chặt” người dùng, khiến họ khó chuyển sang các nền tảng cạnh tranh.

Ngoài ra, nhiều nền tảng hoạt động theo mô hình định giá phi tiền tệ, trong đó dịch vụ được cung cấp miễn phí cho một nhóm người dùng và nguồn thu chủ yếu đến từ nhóm khác, chẳng hạn như quảng cáo hoặc phí giao dịch. Đồng thời, nền tảng thường hoạt động trong cấu trúc thị trường đa chiều với cơ chế định giá chéo giữa các nhóm người dùng. Những đặc điểm này làm cho các công cụ phân tích cạnh tranh truyền thống dựa trên giá cả trở nên kém hiệu quả và làm phức tạp quá trình xác định thị trường liên quan cũng như đánh giá sức mạnh thị trường (OECD, 2021).

**3.3. Các hình thức lạm dụng vị trí thống lĩnh của nền tảng số**

Trong thực tiễn quốc tế, các nền tảng số có thể lạm dụng vị trí thống lĩnh thông qua nhiều hình thức khác

nhau. Một trong những hành vi phổ biến là tự ưu tiên sản phẩm hoặc dịch vụ của chính nền tảng trong kết quả tìm kiếm, gợi ý hoặc xếp hạng, từ đó gây bất lợi cho các đối thủ cạnh tranh. Hành vi này đã được ghi nhận trong một số vụ việc nổi bật liên quan đến các nền tảng tìm kiếm và thương mại điện tử (European Commission, 2017).

Ngoài ra, nền tảng có thể áp dụng các chiến lược gắn kết sản phẩm hoặc dịch vụ, buộc người dùng hoặc đối tác kinh doanh phải sử dụng các dịch vụ bổ trợ của nền tảng để tiếp cận dịch vụ cốt lõi. Một số trường hợp khác liên quan đến việc khai thác dữ liệu của các đối tác kinh doanh trên nền tảng để phát triển sản phẩm hoặc dịch vụ cạnh tranh trực tiếp với họ, làm dấy lên những quan ngại về cạnh tranh không công bằng.

Bên cạnh đó, các nền tảng có thể áp đặt các điều khoản hợp đồng bất lợi cho đối tác, chẳng hạn như thay đổi mức phí hoa hồng, áp dụng điều khoản ngang giá hoặc hạn chế khả năng giao dịch trên các nền tảng khác. Trong một số trường hợp, nền tảng cũng có thể từ chối cung cấp dịch vụ hoặc hạn chế khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng thiết yếu của mình đối với các đối thủ cạnh tranh. Ngoài ra, chiến lược định giá dưới chi phí trong giai đoạn đầu nhằm loại trừ đối thủ và giành thị phần cũng được xem là một hình thức lạm dụng tiềm tàng trong các thị trường nền tảng số.

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1. Thực trạng phát triển nền tảng số tại Việt Nam**

Kinh tế số Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Theo báo cáo e-Conomy SEA 2023 của Google, Temasek và Bain & Company, giá trị kinh tế số Việt Nam đạt 36 tỷ USD năm 2023, tăng trưởng 16% so với năm 2022.

**Bảng 1: Tổng quan thị trường kinh tế số Việt Nam (2020-2025)**

Lĩnh vực	Giá trị 2020 (tỷ USD)	Giá trị 2023 (tỷ USD)	Dự báo 2025 (tỷ USD)	Tăng trưởng bình quân (%)
Thương mại điện tử	11,5	20,5	28,0	19,5
Vận tải số và giao hàng	2,3	5,8	8,2	28,7
Du lịch trực tuyến	2,8	6,2	9,5	28,3
Giải trí số	0,8	1,8	2,8	29,2
Dịch vụ tài chính số	1,2	1,7	2,5	15,8
<b>Tổng</b>	<b>18,6</b>	<b>36,0</b>	<b>51,0</b>	<b>22,5</b>

*Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo e-Conomy SEA, 2023*

Thị trường nền tảng số Việt Nam có mức độ tập trung cao, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại điện tử và vận tải công nghệ. Theo số liệu từ các báo cáo thị trường và phân tích ngành:

**Bảng 2: Thị phần các nền tảng chủ đạo theo lĩnh vực (2023)**

Lĩnh vực	Nền tảng	Thị phần (%)
Thương mại điện tử	Shopee	45
	Lazada	23
	Tiki	15
	Các nền tảng khác	17
Gọi xe công nghệ	Grab	52
	Be	28
	Xanh SM	12
	Các nền tảng khác	8
Thanh toán số	MoMo	42
	ZaloPay	26
	VNPay	18
	Các nền tảng khác	14
Giao hàng	Giao Hàng Nhanh	38
	Giao Hàng Tiết Kiệm	28
	Viettel Post	20
	Các đơn vị khác	14

*Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo ngành*

Số liệu cho thấy mức độ tập trung thị trường cao, với nền tảng đứng đầu thường nắm giữ 40-52% thị phần, và top 3 nắm giữ 70-85% thị phần trong hầu hết các lĩnh vực, đáp ứng các tiêu chí về vị trí thống lĩnh theo Luật Cạnh tranh.

**4.2. Các hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh điển hình**

**4.2.1. Hành vi tự ưu tiên và sử dụng dữ liệu không công bằng**

Trong lĩnh vực thương mại điện tử, một số nền tảng lớn bị phản ánh có xu hướng ưu tiên hiển thị các sản phẩm thuộc hệ sinh thái của chính nền tảng hoặc các đối tác chiến lược trong thuật toán tìm kiếm và gợi ý. Trong nhiều trường hợp, các sản phẩm thuộc chương trình bán hàng tự doanh hoặc các chương trình hợp tác của nền tảng xuất hiện ở vị trí nổi bật hơn so với sản phẩm của người bán độc lập, ngay cả khi mức giá và chất lượng tương đương. Hiện tượng này làm dấy lên lo ngại về khả năng nền tảng sử dụng vai trò trung gian của mình để tạo lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm hoặc dịch vụ nội bộ.

Bên cạnh đó, việc sử dụng dữ liệu từ các doanh nghiệp tham gia nền tảng cũng trở thành một vấn đề đáng chú ý. Một số người bán trên các sàn thương mại điện tử phản ánh rằng nền tảng có thể khai thác dữ liệu về xu hướng tiêu dùng và sản phẩm bán chạy của họ để phát triển các sản phẩm cạnh tranh dưới nhãn hiệu riêng. Khi các sản phẩm này được đưa ra thị trường, nền tảng có khả năng ưu tiên hiển thị hoặc hỗ trợ khuyến mại cho sản phẩm của mình, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể so với các doanh nghiệp phụ thuộc nền tảng. Những quan ngại tương tự cũng đã được ghi nhận trong các vụ việc

cạnh tranh liên quan đến các nền tảng số trên thế giới (European Commission, 2017; OECD, 2021).

**4.2.2. Áp đặt điều khoản hợp đồng bất lợi**

Một dạng hành vi khác thường được đề cập trong thực tiễn là việc các nền tảng áp đặt các điều khoản hợp đồng bất lợi đối với các đối tác kinh doanh. Theo báo cáo của Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, nhiều doanh nghiệp bán hàng trên sàn thương mại điện tử cho rằng nền tảng có thể điều chỉnh mức phí hoa hồng hoặc phí dịch vụ mà không có thời gian thông báo hợp lý, gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của người bán. Một số trường hợp cũng phản ánh sự thiếu minh bạch trong cơ chế tính phí hoặc việc áp dụng mức phí khác nhau giữa các nhóm người bán (Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, 2023).

Bên cạnh đó, một số nền tảng áp dụng điều khoản “ngang giá nhất” (Most Favoured Nation - MFN), yêu cầu người bán không được cung cấp sản phẩm trên các nền tảng khác với mức giá thấp hơn. Điều khoản này có thể hạn chế khả năng cạnh tranh giữa các nền tảng và làm giảm động lực cạnh tranh về giá trên thị trường.

Trong lĩnh vực vận tải công nghệ, tài xế cũng phản ánh rằng các nền tảng có thể điều chỉnh cơ chế chia sẻ doanh thu sau khi đã đạt được quy mô thị trường lớn. Theo một số khảo sát thị trường, tỷ lệ chia sẻ doanh thu dành cho tài xế có xu hướng giảm dần khi nền tảng mở rộng quy mô, trong khi các chính sách xử phạt đối với việc từ chối chuyến hoặc hủy chuyến được áp dụng khá nghiêm ngặt. Những yếu tố này cho thấy khả năng nền tảng sử dụng vị thế thị trường của mình để áp đặt các điều kiện giao dịch bất lợi đối với đối tác.

**4.2.3. Gắn kết dịch vụ và tích hợp dọc**

Xu hướng tích hợp theo chiều dọc cũng là một đặc điểm đáng chú ý của các nền tảng số. Trong lĩnh vực thương mại điện tử, nhiều nền tảng đã mở rộng hoạt động từ sàn giao dịch sang các dịch vụ hỗ trợ như logistics, thanh toán và quảng cáo trực tuyến. Mặc dù việc tích hợp này có thể giúp nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện trải nghiệm người dùng, nhưng trong một số trường hợp, nó cũng có thể tạo ra nguy cơ hạn chế cạnh tranh.

Trên thực tế, một số người bán cho rằng việc sử dụng các dịch vụ tích hợp của nền tảng có thể ảnh hưởng đến khả năng hiển thị sản phẩm. Ví dụ, các sản phẩm sử dụng dịch vụ vận chuyển của nền tảng hoặc tham gia chương trình quảng cáo nội bộ thường có khả năng xuất hiện ở vị trí nổi bật hơn trong kết quả tìm kiếm. Điều này tạo ra động lực mạnh mẽ người bán sử dụng các dịch vụ

bỏ trợ của nền tảng, từ đó củng cố hệ sinh thái tích hợp của doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực thanh toán số, các nền tảng siêu ứng dụng cũng có xu hướng tích hợp ví điện tử và khuyến khích người dùng sử dụng phương thức thanh toán nội bộ thông qua các chương trình ưu đãi và hoàn tiền. Việc tích hợp này có thể góp phần tăng hiệu quả hệ sinh thái nền tảng, nhưng đồng thời cũng có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của các phương thức thanh toán độc lập.

**4.2.4. Định giá dưới chi phí và trợ giá**

Trong giai đoạn phát triển ban đầu của thị trường nền tảng số, chiến lược trợ giá để mở rộng thị phần được nhiều doanh nghiệp áp dụng. Thị trường gọi xe công nghệ tại Việt Nam trong giai đoạn 2018-2021 là một ví dụ điển hình. Trong thời kỳ này, các nền tảng cạnh tranh mạnh mẽ thông qua việc trợ giá cho cả người dùng và tài xế nhằm thu hút và mở rộng quy mô mạng lưới. Chính sách này khiến giá cước thực tế mà người dùng phải trả thấp hơn đáng kể so với chi phí vận hành của dịch vụ.

Sau khi một số đối thủ rút lui khỏi thị trường hoặc thu hẹp hoạt động, các nền tảng lớn bắt đầu điều chỉnh dần mức giá cước và giảm các chương trình trợ giá. Diễn biến này cho thấy chiến lược định giá thấp trong giai đoạn cạnh tranh ban đầu có thể góp phần loại trừ đối thủ và củng cố vị thế thị trường của các nền tảng.

**Bảng 3: Xu hướng giá cước gọi xe công nghệ tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh**

Năm	Giá trung bình/km (VNĐ)	Tỷ lệ trợ giá/thưởng tài xế (% doanh thu)	Số nền tảng hoạt động
2019	8.500	45	5
2020	9.200	38	4
2021	10.500	25	3
2022	12.800	15	3
2023	14.200	8	4

*Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo thị trường và khảo sát người dùng*

**4.3. Khoảng trống và thách thức trong khung pháp lý hiện hành**

**4.3.1. Thách thức trong xác định thị trường liên quan**

Luật Cạnh tranh 2018 quy định việc xác định thị trường liên quan dựa trên khả năng thay thế về sản phẩm và địa lý. Tuy nhiên, khi áp dụng đối với các nền tảng số đa chiều, cách tiếp cận này gặp nhiều khó khăn.

Thứ nhất, cần xác định nền tảng số là một thị trường thống nhất hay nhiều thị trường riêng biệt cho từng nhóm người dùng. Ví dụ, một sàn thương mại điện tử phục vụ cả người mua và người bán. Nếu xem đây là một thị trường thống nhất, có thể bỏ qua sự khác biệt về nhu cầu và hành vi giữa các nhóm người dùng. Ngược lại, nếu tách thành hai thị trường riêng biệt, mối quan hệ

trương tác giữa hai phía của nền tảng sẽ không được phản ánh đầy đủ.

Thứ hai, việc áp dụng tiêu chí thay thế trở nên phức tạp khi một phía của thị trường được cung cấp dịch vụ miễn phí. Người tiêu dùng có thể sử dụng đồng thời nhiều nền tảng khác nhau, trong khi chi phí chuyển đổi đối với người bán hoặc nhà cung cấp dịch vụ có thể cao hơn đáng kể. Do đó, việc đánh giá áp lực cạnh tranh cần xem xét đồng thời cả hai phía của thị trường nền tảng.

Thứ ba, phạm vi địa lý của các nền tảng số thường không bị giới hạn bởi biên giới truyền thống do đặc tính xuyên biên giới của internet. Điều này làm cho việc xác định thị trường địa lý trở nên khó khăn, đặc biệt khi các nền tảng quốc tế có thể cung cấp dịch vụ tại Việt Nam mà không cần hiện diện vật lý.

**4.3.2. Thách thức trong đánh giá vị trí thống lĩnh**

Luật Cạnh tranh 2018 chủ yếu dựa vào thị phần để xác định vị trí thống lĩnh thị trường. Tuy nhiên, tiêu chí này chưa phản ánh đầy đủ sức mạnh thị trường trong bối cảnh kinh tế nền tảng.

Trước hết, việc xác định thị phần trở nên khó khăn khi một phía của thị trường sử dụng dịch vụ miễn phí. Nếu tính thị phần dựa trên doanh thu, sẽ bỏ qua nhóm người dùng không trả phí nhưng có vai trò quan trọng trong việc tạo ra giá trị cho nền tảng. Ngược lại, nếu tính theo số lượng người dùng, kết quả có thể không phản ánh đầy đủ giá trị kinh tế của thị trường.

Bên cạnh đó, thị phần cao không phải lúc nào cũng phản ánh sức mạnh thị trường bền vững trong các ngành công nghệ có tốc độ đổi mới nhanh. Trong một số trường hợp, một nền tảng có thể nhanh chóng mất vị thế nếu xuất hiện công nghệ mới hoặc mô hình kinh doanh đột phá.

Ngoài ra, các yếu tố quan trọng như hiệu ứng mạng lưới, quyền kiểm soát dữ liệu và sự phát triển của hệ sinh thái dịch vụ chưa được đánh giá đầy đủ trong khung pháp lý hiện hành, mặc dù đây là những yếu tố có thể tạo ra rào cản gia nhập mạnh đối với các đối thủ mới.

**4.3.3. Thách thức trong chứng minh hành vi lạm dụng**

Luật Cạnh tranh 2018 yêu cầu chứng minh rằng hành vi của doanh nghiệp gây ra tác động hạn chế cạnh tranh đáng kể. Tuy nhiên, việc chứng minh điều này trong môi trường nền tảng số thường gặp nhiều khó khăn.

Thứ nhất, nhiều hành vi của nền tảng có tính lưỡng nghĩa, vừa có thể nâng cao hiệu quả kinh tế vừa có khả năng hạn chế cạnh tranh. Ví dụ, việc tích hợp các dịch vụ trong cùng một hệ sinh thái có thể giúp cải thiện trải

nghiệm người dùng nhưng đồng thời cũng có thể tạo ra rào cản đối với các đối thủ cạnh tranh.

Thứ hai, việc xác định thiệt hại cạnh tranh trở nên phức tạp trong trường hợp dịch vụ được cung cấp miễn phí cho người dùng hoặc khi lợi ích ngắn hạn cho người tiêu dùng, như giá thấp hoặc nhiều lựa chọn, đi kèm với nguy cơ tác động tiêu cực trong dài hạn, chẳng hạn như giảm đổi mới hoặc tăng giá sau khi nền tảng đã củng cố vị thế thống lĩnh.

Thứ ba, các quyết định của nền tảng thường được thực hiện thông qua thuật toán và hệ thống tự động hóa, khiến việc thu thập bằng chứng về các hành vi như tự ưu tiên hoặc phân biệt đối xử trở nên khó khăn do thiếu minh bạch trong cách thức vận hành của hệ thống.

**4.3.4. Hạn chế về năng lực thực thi**

Bên cạnh các vấn đề về quy định pháp lý, năng lực thực thi cũng là một thách thức quan trọng trong việc kiểm soát hành vi của các nền tảng số. Các vụ việc cạnh tranh liên quan đến nền tảng thường đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức pháp lý, kinh tế học cạnh tranh và công nghệ số. Tuy nhiên, nguồn lực chuyên môn trong lĩnh vực này tại cơ quan quản lý cạnh tranh còn hạn chế, đặc biệt là các chuyên gia có kinh nghiệm về kinh tế nền tảng và phân tích dữ liệu lớn.

Ngoài ra, quá trình điều tra và xử lý các vụ việc cạnh tranh thường kéo dài, trong khi thị trường số có tốc độ thay đổi rất nhanh. Điều này có thể khiến các biện pháp khắc phục được đưa ra sau quá trình điều tra không còn phù hợp với thực tiễn thị trường.

**Bảng 4: So sánh khung pháp lý cạnh tranh đối với nền tảng số**

Tiêu chí	Việt Nam	EU (DMA)	Đức (GWB)	Hàn Quốc
Quy định chuyên biệt cho nền tảng	Chưa có	Có (2022)	Có (2021)	Đang xây dựng
Định nghĩa nền tảng gatekeeper	Chưa có	Có rõ ràng	Có	Đang nghiên cứu
Quy định ex-ante	Không	Có	Có	Có một phần
Tiêu chí định lượng rõ ràng	Chỉ thị phần	Đa dạng	Đa dạng	Đa dạng
Quy định về dữ liệu	Chung chung	Chi tiết	Chi tiết	Có
Quy định về khả năng tương tác	Không	Có	Có	Có
Mức phạt tối đa	10% doanh thu	10% doanh thu toàn cầu	10% doanh thu toàn cầu	3% doanh thu
Cơ chế giám sát đặc biệt	Chưa có	Có	Có	Đang phát triển

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

**4.4. Kinh nghiệm quốc tế trong quy định nền tảng số**

**4.4.1. Liên minh châu Âu - Đạo luật Thị trường Số (DMA)**

Liên minh châu Âu là khu vực tiên phong trong việc

xây dựng khung pháp lý chuyên biệt đối với các nền tảng số lớn. Đạo luật Thị trường Số (Digital Markets Act - DMA) được ban hành năm 2022 và bắt đầu áp dụng từ năm 2023, đánh dấu sự chuyển dịch từ cách tiếp cận “xử lý sau khi vi phạm” sang cơ chế “quy định trước” đối với các nền tảng có tầm ảnh hưởng lớn (European Parliament and Council, 2022).

DMA đưa ra khái niệm “người gác cổng” (gatekeeper) đối với các nền tảng có tầm quan trọng hệ thống trong hệ sinh thái số. Một doanh nghiệp được xác định là gatekeeper khi đáp ứng một số tiêu chí định lượng về quy mô kinh tế và số lượng người dùng, bao gồm doanh thu lớn trong thị trường EU, cung cấp dịch vụ nền tảng cốt lõi tại nhiều quốc gia thành viên và có lượng người dùng cuối cũng như người dùng doanh nghiệp ở quy mô rất lớn.

Đối với các nền tảng được xác định là gatekeeper, DMA thiết lập một danh mục các nghĩa vụ và hành vi bị cấm nhằm bảo đảm cạnh tranh công bằng trên thị trường số. Các quy định này bao gồm việc cấm tự ưu tiên dịch vụ của chính nền tảng, cấm sử dụng dữ liệu của người dùng doanh nghiệp để cạnh tranh trực tiếp với họ, hạn chế các hành vi gắn kết dịch vụ và yêu cầu đảm bảo khả năng tương tác giữa các dịch vụ số. Ngoài ra, DMA cũng yêu cầu các nền tảng tạo điều kiện cho người dùng chuyển đổi dữ liệu và sử dụng các dịch vụ bên ngoài hệ sinh thái của nền tảng.

**4.4.2. Đức - Sửa đổi Luật Cạnh tranh (GWB)**

Đức là quốc gia đầu tiên sửa đổi luật cạnh tranh quốc gia nhằm giải quyết trực tiếp vấn đề quyền lực thị trường của các nền tảng số. Sửa đổi lần thứ 10 của Luật Chống hạn chế cạnh tranh (Gesetz gegen Wettbewerbsbeschränkungen - GWB), có hiệu lực từ năm 2021, đã bổ sung Điều 19a để điều chỉnh các nền tảng có “tầm quan trọng đặc biệt xuyên thị trường” (Federal Ministry for Economic Affairs and Energy, 2021).

Theo quy định này, cơ quan cạnh tranh Đức (Bundeskartellamt) có thể xác định các nền tảng có vai trò đặc biệt đối với cạnh tranh trên thị trường số dựa trên nhiều tiêu chí, bao gồm sức mạnh tài chính, khả năng tiếp cận dữ liệu, vị trí trên nhiều thị trường liên quan và tầm quan trọng của nền tảng đối với khả năng tiếp cận thị trường của các doanh nghiệp khác. Sau khi được xác định thuộc nhóm này, các nền tảng có thể bị áp đặt các nghĩa vụ đặc biệt nhằm ngăn ngừa hành vi hạn chế cạnh tranh trước khi xảy ra vi phạm cụ thể.

Trên thực tế, Bundeskartellamt đã áp dụng quy định này đối với một số doanh nghiệp công nghệ lớn như Google, Amazon và Meta nhằm kiểm soát các hành vi

như tự ưu tiên dịch vụ, hạn chế khả năng tương tác hoặc khai thác dữ liệu người dùng theo cách gây bất lợi cho cạnh tranh.

**4.4.3. Hàn Quốc - Đạo luật về các nền tảng trực tuyến**

Hàn Quốc cũng đang từng bước xây dựng khung pháp lý riêng đối với các nền tảng số, tập trung vào việc bảo đảm tính minh bạch và công bằng trong các giao dịch trên nền tảng. Một số quy định yêu cầu các nền tảng lớn phải minh bạch hơn trong thuật toán xếp hạng và tìm kiếm, thông báo trước khi thay đổi các điều khoản hợp đồng với đối tác kinh doanh, đồng thời hạn chế việc áp dụng các điều khoản hợp đồng bất công.

Ngoài ra, Hàn Quốc cũng là một trong những quốc gia đầu tiên ban hành quy định nhằm hạn chế việc các nền tảng ứng dụng di động cưỡng chế sử dụng hệ thống thanh toán trong ứng dụng của mình. Sửa đổi Luật Viễn thông năm 2021 đã yêu cầu các công ty cung cấp cửa hàng ứng dụng cho phép các nhà phát triển sử dụng các phương thức thanh toán khác, qua đó tăng cường cạnh tranh trong hệ sinh thái ứng dụng.

**Bảng 5: Các vụ việc xử lý nền tảng số điển hình trên thế giới**

Quốc gia/Khu vực	Vụ việc	Nền tảng	Hành vi	Kết quả	Năm
EU	Google Shopping	Google	Tự ưu tiên dịch vụ so sánh giá	Phạt 2.4 tỷ euro	2017
EU	Android	Google	Gắn kết ứng dụng, chia sẻ doanh thu với OEM	Phạt 4.34 tỷ euro	2018
EU	Amazon Marketplace	Amazon	Sử dụng dữ liệu người bán	Phạt 746 triệu euro	2021
Đức	Facebook	Meta	Lạm dụng trong thu thập dữ liệu	Yêu cầu thay đổi chính sách	2019
Pháp	Apple App Store	Apple	Gắn kết thanh toán, phí hoa hồng 30%	Phạt 1.1 tỷ euro	2020
Hàn Quốc	Naver	Naver	Tự ưu tiên dịch vụ của mình	Phạt 26.7 tỷ won	2021
Mỹ	Epic vs Apple	Apple	Hạn chế thanh toán bên thứ ba	Yêu cầu cho phép liên kết thanh toán ngoài	2021

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

**5. Thảo luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy tồn tại sự chênh lệch đáng kể giữa tốc độ phát triển của các nền tảng số và khả năng điều chỉnh của khung pháp lý cạnh tranh hiện hành tại Việt Nam. Trong khi kinh tế nền tảng đang tăng trưởng nhanh và nhiều lĩnh vực có mức độ tập trung thị trường cao, Luật Cạnh tranh 2018 vẫn chưa có quy định chuyên biệt đối với các nền tảng số. Thực tiễn cho thấy các hành vi có khả năng lạm dụng vị trí thống lĩnh của nền tảng ngày càng đa dạng và phức tạp, nhưng việc xử lý trên thực tế còn rất hạn chế. Từ khi Luật Cạnh tranh 2018 có hiệu lực đến nay, chưa có vụ việc nào liên quan

trực tiếp đến nền tảng số bị xử lý chính thức về hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh, mặc dù đã xuất hiện nhiều phản ánh từ người bán, tài xế và người tiêu dùng. Điều này phần nào phản ánh những khó khăn trong việc áp dụng các quy định pháp luật cạnh tranh truyền thống đối với thị trường nền tảng số.

Kết quả phân tích cũng cho thấy cách tiếp cận xử lý vi phạm sau khi hành vi xảy ra có nhiều hạn chế khi áp dụng đối với nền tảng số. Quá trình điều tra các vụ việc cạnh tranh thường kéo dài trong khi thị trường số thay đổi rất nhanh, khiến các biện pháp khắc phục có thể trở nên kém hiệu quả khi được áp dụng. Đồng thời, trong các thị trường có hiệu ứng mạng mạnh và phụ thuộc nhiều vào dữ liệu, một khi đối thủ đã bị loại khỏi thị trường thì khả năng quay trở lại cạnh tranh là rất thấp. Trong bối cảnh đó, kinh nghiệm quốc tế cho thấy xu hướng chuyển sang cách tiếp cận “quy định trước”, trong đó các nghĩa vụ được áp dụng đối với những nền tảng có tầm quan trọng hệ thống nhằm ngăn ngừa hành vi hạn chế cạnh tranh ngay từ đầu. Tuy nhiên, việc áp dụng cách tiếp cận này cũng cần được cân nhắc thận trọng để tránh làm giảm động lực đổi mới và đầu tư của các doanh nghiệp công nghệ.

Một vấn đề quan trọng khác được nghiên cứu chỉ ra là vai trò ngày càng lớn của dữ liệu trong việc hình thành và củng cố quyền lực thị trường của các nền tảng số. Nhờ quy mô người dùng lớn, các nền tảng thống lĩnh có khả năng thu thập và khai thác khối lượng dữ liệu vượt trội, từ đó cải thiện thuật toán, nâng cao chất lượng dịch vụ và tiếp tục thu hút thêm người dùng. Cơ chế “vòng phản hồi dữ liệu” này có thể tạo ra rào cản gia nhập đáng kể đối với các đối thủ mới. Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành tại Việt Nam chưa có quy định rõ ràng về khía cạnh cạnh tranh của dữ liệu, đặc biệt là trong việc xác định khi nào việc khai thác dữ liệu của nền tảng có thể cấu thành hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh. Do đó, việc điều chỉnh các vấn đề liên quan đến dữ liệu cần được xem xét trong mối quan hệ với các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền truy cập dữ liệu và cạnh tranh trên thị trường số.

Bên cạnh những hạn chế về quy định pháp lý, năng lực thực thi cũng là một thách thức đáng kể. Việc xử lý các vụ việc cạnh tranh liên quan đến nền tảng số đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức pháp lý, kinh tế học cạnh tranh và công nghệ thông tin, bao gồm khả năng phân tích thuật toán và dữ liệu lớn. Trong khi đó, nguồn lực chuyên môn trong lĩnh vực này còn hạn chế, dẫn đến khó

khăn trong việc điều tra và đánh giá các hành vi phức tạp của nền tảng. Ngoài ra, tính xuyên biên giới của các nền tảng số cũng đặt ra những thách thức về thẩm quyền và hợp tác quốc tế, bởi nhiều nền tảng lớn hoạt động tại Việt Nam nhưng có trụ sở chính ở nước ngoài. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp lý trong nước, việc tăng cường hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực chuyên môn của cơ quan thực thi cạnh tranh cũng là những yếu tố quan trọng để bảo đảm hiệu quả quản lý thị trường nền tảng số trong thời gian tới.

### 6. Hàm ý chính sách và giải pháp

Từ các kết quả phân tích về đặc điểm của nền tảng số, các hình thức lạm dụng vị trí thống lĩnh và những khoảng trống của khung pháp lý hiện hành, nghiên cứu đề xuất một số định hướng chính sách nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý cạnh tranh đối với nền tảng số tại Việt Nam.

Trước hết, cần từng bước hoàn thiện khung pháp lý cạnh tranh để phản ánh đúng đặc thù của nền tảng số. Luật Cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn nên bổ sung định nghĩa rõ ràng về nền tảng số và các loại hình nền tảng, đồng thời xem xét khái niệm nền tảng có tầm quan trọng hệ thống dựa trên các tiêu chí như quy mô người dùng, giá trị giao dịch, thị phần, vai trò kết nối thị trường và quyền truy cập dữ liệu. Việc xác định những nền tảng có ảnh hưởng lớn đến cấu trúc thị trường sẽ tạo cơ sở cho việc áp dụng các nghĩa vụ quản lý phù hợp. Bên cạnh đó, các quy định về hành vi lạm dụng cần được cập nhật để phản ánh những đặc trưng của kinh tế nền tảng, chẳng hạn như hành vi tự ưu tiên dịch vụ của chính nền tảng, khai thác dữ liệu của người dùng doanh nghiệp để cạnh tranh trực tiếp, gắn kết dịch vụ không hợp lý, áp đặt điều khoản ngang giá hoặc hạn chế khả năng chuyển đổi dữ liệu của người dùng.

Cùng với việc hoàn thiện quy định pháp luật, phương pháp đánh giá thị trường và vị trí thống lĩnh cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp với các mô hình kinh doanh nền tảng. Đối với thị trường đa chiều, việc xác định thị trường liên quan cần xem xét đồng thời nhiều nhóm người dùng và các hiệu ứng mạng chéo giữa các nhóm này. Ngoài chỉ tiêu thị phần truyền thống, các cơ quan quản lý cũng cần xem xét các yếu tố bổ sung như quy mô dữ liệu, sức mạnh của hiệu ứng mạng, chi phí chuyển đổi của người dùng và khả năng kiểm soát hệ sinh thái dịch vụ. Những yếu tố này thường đóng vai trò quan trọng hơn thị phần trong việc xác định sức mạnh thị trường của các nền tảng số.

Một hướng tiếp cận quan trọng khác là tăng cường cơ chế giám sát mang tính phòng ngừa đối với các nền tảng có tầm ảnh hưởng lớn trên thị trường. Thay vì chỉ can thiệp sau khi hành vi vi phạm đã xảy ra, cơ quan quản lý có thể áp dụng các nghĩa vụ minh bạch và công bằng đối với những nền tảng có vai trò trung gian thiết yếu, chẳng hạn như yêu cầu minh bạch về thuật toán xếp hạng, đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các đối tác kinh doanh, và cho phép người dùng chuyển đổi dữ liệu hoặc sử dụng các dịch vụ hỗ trợ của bên thứ ba. Đồng thời, việc kiểm soát các thương vụ mua bán và sáp nhập liên quan đến nền tảng số cần được tăng cường, đặc biệt đối với các giao dịch có giá trị lớn nhưng liên quan đến các doanh nghiệp khởi nghiệp có tiềm năng đổi mới.

Bên cạnh việc hoàn thiện khung pháp lý, việc nâng cao năng lực thực thi của cơ quan quản lý cạnh tranh cũng đóng vai trò quyết định. Các vụ việc liên quan đến nền tảng số thường đòi hỏi kiến thức liên ngành giữa luật cạnh tranh, kinh tế học và công nghệ thông tin. Do đó, cần tăng cường đào tạo và thu hút chuyên gia trong các lĩnh vực như kinh tế nền tảng, khoa học dữ liệu và phân tích thuật toán. Đồng thời, cơ quan quản lý cần được trang bị các công cụ phân tích dữ liệu và phương pháp điều tra phù hợp để theo dõi diễn biến của thị trường số và đánh giá tác động cạnh tranh của các hành vi nền tảng.

Ngoài ra, quản lý cạnh tranh trong nền kinh tế số cũng đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều cơ quan quản lý khác nhau, bao gồm cơ quan cạnh tranh, cơ quan quản lý thông tin truyền thông, cơ quan bảo vệ dữ liệu và cơ quan bảo vệ người tiêu dùng. Việc thiết lập cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan này sẽ giúp nâng cao hiệu quả giám sát và xử lý các hành vi có liên quan đồng thời đến cạnh tranh, dữ liệu và quyền lợi người tiêu dùng.

Cuối cùng, do tính chất xuyên biên giới của các nền tảng số, Việt Nam cần tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cạnh tranh và kinh tế số. Việc tham gia các diễn đàn quốc tế và trao đổi kinh nghiệm với các quốc gia đã có khung pháp lý về nền tảng số sẽ giúp nâng cao năng lực quản lý và hỗ trợ điều tra các vụ việc có yếu tố nước ngoài. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp và người tiêu dùng về các quy định cạnh tranh trong môi trường số cũng là yếu tố quan trọng để thúc đẩy một hệ sinh thái nền tảng minh bạch và cạnh tranh lành mạnh.

**7. Kết luận**

Nghiên cứu đã phân tích các thách thức pháp lý trong kiểm soát hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh của các nền tảng số trong bối cảnh pháp luật cạnh tranh Việt Nam. Kết quả cho thấy các nền tảng số có những đặc điểm riêng biệt như hiệu ứng mạng lưới, thị trường đa chiều và lợi thế dữ liệu, từ đó tạo ra xu hướng tập trung thị trường cao và làm gia tăng nguy cơ lạm dụng quyền lực thị trường. Trong khi đó, tại Việt Nam, nhiều lĩnh vực nền tảng số đã hình thành cấu trúc thị trường tập trung với sự thống trị của một số nền tảng lớn, làm phát sinh các hành vi có khả năng hạn chế cạnh tranh như tự ưu tiên dịch vụ, sử dụng dữ liệu không công bằng, áp đặt điều khoản bất lợi hoặc gán kết dịch vụ.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng Luật Cạnh tranh 2018 còn nhiều hạn chế khi áp dụng đối với kinh tế nền tảng, đặc biệt trong việc xác định thị trường liên quan, đánh giá vị trí thống lĩnh và chứng minh hành vi lạm dụng. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy xu hướng bổ sung các quy định chuyên biệt đối với nền tảng số và áp dụng các cơ chế giám sát mang tính phòng ngừa đối với các nền tảng có tầm ảnh hưởng lớn trên thị trường. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hoàn thiện khung pháp lý cạnh tranh đối với nền tảng số, đồng thời nâng cao năng lực thực thi và tăng cường hợp tác quốc tế. Những định hướng này có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh lành mạnh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của kinh tế số tại Việt Nam.

**\*\*\*Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi trường Đại học Công nghệ và Quản lý Hữu Nghị (UTM), trong đề tài: “Nghiên cứu chính sách phát triển mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng số tại Việt Nam”, mã số: B2026-DCQ-01.

**Tài liệu tham khảo**

Australian Competition and Consumer Commission (2019), *Digital Platforms Inquiry: Final Report*, Australian Competition and Consumer Commission, Canberra.

Bundeskartellamt (2019), *Facebook - Exploitative business terms pursuant to Section 19(1) GWB (Decision of 6 February 2019)*, Federal Cartel Office, Bonn.

European Commission (2017), *Case AT.39740 - Google Search (Shopping): Commission Decision of 27 June 2017*, European Commission, Brussels.

European Commission (2018), *Case AT.40099 - Google Android: Commission Decision of 18 July 2018*, European Commission, Brussels.

European Parliament and Council (2022), *Regulation (EU) 2022/1925 on contestable and fair markets in the digital sector (Digital Markets Act)*, Official Journal of the European Union, Brussels.

Federal Ministry for Economic Affairs and Energy (2021), *Act Amending the Act against Restraints of Competition for a Focused, Proactive and Digital Competition Law 4.0 (10th Amendment to the GWB)*, Federal Government of Germany, Berlin.

Google, Temasek and Bain & Company (2023), *e-Conomy SEA 2023: Reaching New Heights - Navigating the Path to Profitable Growth*, Google/Temasek/Bain & Company.

Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2023), *Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam 2023 (EBI 2023)*, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam, Hà Nội.

Korea Fair Trade Commission (2021), *Case on Naver's self-preferencing practices: Decision summary*, Korea Fair Trade Commission, Sejong.

National Assembly of the Republic of Korea (2021), *Telecommunications Business Act (Amendment concerning in-app payment restrictions)*, National Assembly of Korea, Seoul.

OECD (2021), *Competition Economics of Digital Ecosystems*, OECD Publishing, Paris.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2018), *Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14 ban hành ngày 12 tháng 6 năm 2018*, Hà Nội.

UNCTAD (2024), *Digital Economy Report 2024: Shaping an Environmentally Sustainable and Inclusive Digital Future*, United Nations Conference on Trade and Development, Geneva.

World Bank (2021), *Digital Vietnam: The Path to Tomorrow*, World Bank, Washington, DC.